| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM XUYÊN**<br>**TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/02/2024
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Duy Hoàng
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phan Công Lợi
Bà Lê Thị Tâm

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Diệu T - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà***: Bà Hoàng Thị Cẩm Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/TB - TLVA ngày 26 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1996; Trú tại: Thôn 2, xã Cẩm Q, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1991; Trú tại: Thôn Trường Y, xã N, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm T (nay là xã Nam Phúc T), huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2015, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh D sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn D

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/7/2016. Chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng nhường cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành và không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến bị đơn anh Nguyễn Văn D*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Nguyễn Văn D đến làm việc nhưng bị đơn không có mặt. Theo trình bày của ông Nguyễn Văn B (bố của anh Nguyễn Văn D), hiện nay anh D đang làm việc tại địa phương khác nhưng vẫn thường xuyên đi về tại nơi cư trú và liên lạc với vợ chồng ông. Ông B đã nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng Tòa án tống đạt cho anh Nguyễn Văn D, ông cam đoan đã thông báo và giao lại cho anh D. Tại bản trình bày ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn D trình bày: anh đã biết việc Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên đang thụ lý, giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Hiện nay anh đang làm việc tại tỉnh Bắc Ninh, vì lý do công việc nên không thể trực tiếp tại Tòa án để làm việc theo triệu tập. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, vì vậy anh đồng ý ly hôn với chị T; Về con chung: anh và chị T có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/7/2016, anh mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: trong quá trình chung sống, anh và chị T không tạo lập được tài sản gì chung, vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh Nguyễn Văn D còn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận, công khai, giao nộp, kiểm tra chứng cứ, hòa giải và các buổi làm việc khác; đề nghị Tòa án giải quyết trong thời gian sớm nhất để anh và chị T sớm ổn định cuộc sống.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa*:

Về việc tuân theo tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Quá trình xét xử đã tuân theo đúng quy định của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng; Tòa án đã tiến hành tống đạt, thu thập tài liệu, chứng cứ đảm B theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đảm B theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại vụ án, nhận thấy mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không tìm cách hàn gắn tình cảm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D; Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/7/2016 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng,

không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn D, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Nguyễn Văn D có nơi đăng ký HKTT và chổ ở: Thôn Trường Y, xã Nam Phúc T, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Qúa trình giải quyết vụ án, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa của chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn UBND xã Cẩm T (nay là xã Nam Phúc T), huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh ngày 14/10/2015. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị T nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng được ly hôn, giải phóng cho hai người để mỗi người có cuộc sống riêng, tốt đẹp hơn.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn D cũng thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau… nhưng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình quy định: "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn D có 01 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/7/2016. Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn muốn được nhường quyền nuôi con cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn D cũng đồng ý nuôi con và không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, hiện nay anh D là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con; con Nguyễn Văn T đã

trên 07 tuổi và có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với bố. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Nguyễn Văn T cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Nguyễn Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.
- Về con chung: Giao con Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/7/2016 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên theo biên lai thu tiền số 0009152 ngày 25/12/2023. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- UBND xã Nam Phúc T *(Nơi đăng ký kết hôn);*
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Hoàng**